

Số: 32/2023/QĐST-DS

Ninh Sơn, ngày 31 tháng 8 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 và thụ lý bổ sung vụ án số: 07/2023/TLST-DS ngày 25/5/2023 và thụ lý bổ sung vụ án số 07b/2023/TLST-DS ngày 26/5/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A , sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M , sinh năm: 1930. (Hiện đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn Đ , Sinh năm: 1965.

2/ Bà Nguyễn Thị T , sinh năm: 1968.

3/ Bà Nguyễn Thị L , sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4/ Bà Nguyễn Thị Th , sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5/ Ông Nguyễn Văn Q , sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

6/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Thu S, sinh năm: 1983.

2/ Cháu Nguyễn Thành Nh , sinh năm: 2010.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nhân: Bà Trần Thị Thu S sinh năm: 1970.

3/ Bà Dương Thị k , sinh năm: 1942.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4/ Ông Nguyễn Văn H sinh năm: 1972.

5/ Bà Võ Nữ Thu Tr sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

6/ Ông Hoàng Gia H1, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Thôn Trà Giang 1, xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền tổ tụng của bị đơn Ông Nguyễn Văn M là Ông Nguyễn Văn Đ , ông Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị Th , Bà Nguyễn Thị L , Ông Nguyễn Văn Q , Ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị K: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Nữ Thu Tr sinh năm: 1971.

Người đại diện của Ông Hoàng Gia H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị A , sinh năm: 1962.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự bà Dương Thị K: Ông Lê Xuân L , Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K có 06 người con là: Bà Nguyễn Thị Th , Bà Nguyễn Thị T , Ông Nguyễn Văn Q , Ông Nguyễn Văn T1, Ông Nguyễn Văn Đ , bà Nguyễn Thị L , ông Nguyễn Văn D (đã chết năm 2017).

Ông M chết năm 2023 không để lại di chúc, Ông M không còn cha mẹ, không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Ông Nguyễn Văn D chết năm 2017, không để lại di chúc. Ông D có vợ là Bà Trần Thị Thu S và con trai là Nguyễn Thành Nh , ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác.

2.2. Thửa đất số 299 tờ bản đồ số 6.2 tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là đất của ông Nguyễn Văn D . Lô đất trên có nguồn gốc là đất của Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K tặng cho, đất này Ông M có được từ việc trao đổi đất với Bà Nguyễn Thị A . Hiện ông Nguyễn Văn D và Bà Trần Thị Thu S đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất trên và lấn sang thửa đất số 47 tờ bản đồ số 62 diện tích 12,9 m² tại các điểm H,G, W, U tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thửa đất số 47 tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là đất của Bà Nguyễn Thị A đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Bà A đã giao cho Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K phần diện tích 12,9 m² tại các điểm H,G, W, U thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 62 để sử dụng phần diện tích đất 8.4m² tại các điểm S,V,W,T thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 và 1,3m² tại các điểm 2,3,4,S tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hiện phần diện tích đất 8.4m² tại các điểm S,V,W,T thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 Bà Trần Thị Thu S và ông Nguyễn Văn D đã xây dựng nhà ở kiên cố.

- Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 6.2 tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là đất của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Nữ Thu Tr đã được cấp giấy chứng nhận QSD Đất. Năm 2011, ông Nguyễn Văn H đã đồng ý đổi cho Ông Nguyễn Văn M phần diện tích đất 9,8 m² tại các điểm 1,2,3,J thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 6.2 tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, hiện Ông M đã giao cho Bà Nguyễn Thị A sử dụng phần diện tích đất này do việc hoán đổi đất. Ông M đã đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng phần diện tích 9,7 m² tại các điểm 2,4,R,L tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là đất của Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 11m² tại các điểm R,L,4,S,3,2 là đất của Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất trong đó có 8.4m² tại các điểm S,V,W,T thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 và 1,3m² tại các điểm 2,3,4,S tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận hiện do Bà Nguyễn Thị A sử dụng và 9,7 m² tại các điểm 2,4,R,L tọa lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận do ông Nguyễn Văn H và bà Võ Nữ Thu Tr đang sử dụng.

2.3. Để thuận tiện cho việc sử dụng đất, Ông Nguyễn Văn M , Bà Dương Thị k , Bà Nguyễn Thị A , ông Nguyễn Văn H và Bà Võ Nữ Thu Tr, Bà Trần Thị Thu S đã hoán đổi đất với nhau, đã xây dựng nhà kiên cố, không thể tháo dỡ nhà để trả lại hiện trạng ban đầu và các bên đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.

2.4. Nay Bà Nguyễn Thị A đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Hoàng Gia H1; Ông Nguyễn Văn H2 là người đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền tở tụng của Ông Nguyễn Văn M là Ông Nguyễn Văn Đ , Bà Nguyễn Thị T , Bà Nguyễn Thị Th , Bà Nguyễn Thị L , Ông Nguyễn Văn Q , Ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị K; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Thu S Cháu Nguyễn Thành Nh , bà Võ Nữ Thu Tr đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H cùng thống nhất thoả thuận:

2.4.1. Bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng phần diện tích đất 8.4 m² thuộc các điểm S,V,W,T thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 và 1,3m² tại các điểm 2,3,4,S và diện tích đất là 9,8m² tại các điểm 1,2,3,J thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 6.2 toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Nguyễn Văn Hvà bà Võ Nữ Thu Tr đồng ý giao cho Bà Nguyễn Thị A được toàn quyền sử dụng phần diện tích đất là 9,8m² tại các điểm 1,2,3,J thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 6.2 toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tở tụng của bị đơn Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K đồng ý giao cho Bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng phần diện tích đất 8.4 m² thuộc các điểm S,V,W,T thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 6 và 1,3m² tại các điểm 2,3,4,S toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2.4.2. Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Nữ Thu Tr được quyền sử dụng phần diện tích đất 9,7 m² tại các điểm 2,4,R,L toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tở tụng của bị đơn Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị K đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn Hvà bà Võ Nữ Thu Tr toàn quyền sử dụng phần diện tích đất trên.

2.4.3. Bà Nguyễn Thị A đồng ý giao cho Bà Trần Thị Thu S và Cháu Nguyễn Thành Nh được quyền sử dụng phần diện tích đất 12,9 m² tại các điểm H,G, W, U thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 62 toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Trần Thị Thu S và Cháu Nguyễn Thành Nh được quyền sử dụng phần diện tích đất 12,9 m² tại các điểm H,G, W, U thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 62 toạ lạc tại Khu phố 6, TT T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2.4.4. Bà Nguyễn Thị A , Ông Nguyễn Văn H Bà Võ Nữ Thu Tr Bà Trần Thị Thu S Cháu Nguyễn Thành Nh được liên hệ với các cơ quan chức năng về quản lý đất đai và UBND huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận để đăng ký điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

(Kèm theo Quyết định là trích đo chính lý thửa đất ngày 16/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Ninh Sơn).

2.5. Về chi phí tố tụng: Tổng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 8.500.000 đồng, Bà Nguyễn Thị A và Bà Trần Thị Thu S xin chịu. Bà A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Bà Trần Thị Thu S đồng ý trả cho Bà Nguyễn Thị A 4.250.000 đồng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí: Miễn 100% án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị A và bà Dương Thị K do thuộc diện người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí.

Ông Nguyễn Văn H2 là người đại diện người thừa kế quyền kế quyền và nghĩa vụ tố tụng xin chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Nữ Thu Tr xin chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006222 ngày 25/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn. Bà Võ Nữ Thu Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006223 ngày 26/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn. Bà Trần Thị Thu S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận.
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- THADS Huyện Ninh sơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim